

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 40/2020/DS - ST

Ngày: 19/8/2020

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.
2. Bà Pang Ting Suyl.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S (H). Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H (H). Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh L.

(Bà S, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà có bán hàng cho bà H từ năm 2006 vì lúc đó nhà bà H bán hàng tạp hóa. Do quen biết nên bà H (Hằng) có vay của bà số tiền là 20.000.000đ vào ngày 17/9/2010. Số tiền này bà H vay trước 10.000.000đ sau đó bà H vay thêm 10.000.000đ nên bà H S thành 20.000.000đ. Khi vay bà H (Hằng) là người viết giấy vay tiền và có thỏa thuận lãi suất là

3.5%/triệu/tháng, thời hạn trả nợ là cuối năm 2010. Trước đó vào ngày 09/9/2010 bà H (Hằng) có vay bà số tiền là 10.000.000đồng nhưng số tiền trên bà H (Hằng) đã trả nên bà không có ý kiến gì đối với số tiền này. Trong quá trình vay bà H (Hằng) chưa trả cho bà số tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trên. Ngoài ra, vào ngày 27/6/2011 bà H (Hằng) còn chốt của bà 400kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ (nhận tiền trước đến ngày mùa trả cà phê sau). Khi chốt cà phê này bà H (Hằng) là người viết giấy chốt cà phê, số cà phê này bà H hẹn đến cuối năm 2011 sẽ trả cho bà. Trong quá trình chốt thì bà H (Hằng) đã trả cho bà được 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta, còn nợ lại 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta. Đối với số tiền và số cà phê trên mặc dù bà đã yêu cầu bà H trả nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H (Hằng) phải trả cho bà số tiền gốc là 20.000.000đồng và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá 32.600đ/kg thành tiền là 6.520.000đồng. Đối với số tiền lãi suất bà không yêu cầu bà H (Hằng) phải trả lãi cho bà. Ngoài ra, bà không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị Kim H (Hằng) trình bày: Bà biết bà S (Hường) vì bà S có bỏ hàng tạp hóa cho bà nhiều lần. Ngoài tên gọi Trần Thị Kim H ra thì bà còn có tên gọi khác là Trần Thị Thúy Hằng nhưng do tên Hằng trùng với tên của ông bà nên bà đổi từ tên Hằng sang tên H. Bà có mua bán làm ăn với bà S nhưng bà không vay tiền của bà S và việc thỏa thuận lãi suất như bà S trình bày là hoàn toàn không đúng. Chữ viết trong giấy vay tiền ngày 17/9/2010 không phải là chữ viết của bà vì bà không vay mượn tiền với bà S. Bà S cho rằng bà có chốt 400kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ của bà S là không đúng vì bà không chốt cà phê của bà S và bà cũng không mang trả 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta cho bà S. Đối với chữ viết trong giấy chốt cà phê ngày 27/6/2011 không phải là chữ viết của bà. Vào cuối năm 2019 bà S có đưa người vào nhà bà đòi số tiền là 100.000.000đ. Khi đến đòi bà S có đưa một tờ giấy do bà S tự viết ra vì bà không nợ tiền của bà S nên bà có xé tờ giấy ghi 100.000.000đồng. Bà không xé giấy vay tiền 20.000.000đ và giấy chốt cà phê vì bà không thấy hai tờ giấy đó. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền gốc là 20.000.000đ và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá 32.600đ/kg thành tiền là 6.520.000đ thì bà không đồng ý trả. Ngoài ra, bà không yêu cầu và trình bày gì thêm.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 20.000.000đ và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá 32.600đ/kg thành tiền là 6.520.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của

Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc là 20.000.000đ và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá 32.600đ/kg thành tiền là 6.520.000đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà S cho rằng vào ngày 17/9/2010 bà có cho bà H vay 20.00.000đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3.5%/triệu/tháng, thời hạn trả nợ là cuối năm 2010. Ngoài ra vào ngày 27/6/2011 bà H (Hằng) còn chốt của bà S 400kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ số cà phê này bà H hẹn đến cuối năm 2011 sẽ trả. Đối với số tiền và cà phê trên mặc dù bà S đã yêu cầu bà H trả nhiều lần nhưng bà H không trả. Đến ngày 30/9/2019 bà S khởi kiện bà H tại Tòa án. Tại thông báo thụ lý vụ án số 180/TB - TLVA ngày 16/12/2019 xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*” tuy nhiên thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản đã hết. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định lại quan hệ tranh chấp là: “*Kiện đòi lại tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S (Hường) với bị đơn bà Trần Thị Kim H (Hằng) là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 17/9/2010 bà S có cho bà H (Hằng) vay số tiền là 20.00.000đ. Khi vay bà H (Hằng) là người trực tiếp viết giấy vay tiền. Số tiền này hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.5%/triệu/tháng, thời hạn trả nợ là cuối năm 2010 bà H sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà S số tiền gốc và tiền lãi suất theo như đã thỏa thuận. Đến thời hạn trả nợ mặc dù bà S đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả. Ngoài ra vào ngày 27/6/2011 bà H (Hằng) có chốt bán cho bà S 400kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ. Khi chốt cà phê bà H (Hằng) là người trực tiếp viết giấy chốt cà phê, số cà phê này bà H hẹn đến cuối năm 2011 sẽ trả. Trong quá trình chốt bán cà phê thì bà H đã trả được cho bà S 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta, còn nợ lại bà S 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ. Việc bà H (Hằng) có vay tiền và chốt bán cà phê của bà S (Hường) là có xảy ra trên thực tế.

[3] Việc bà H cho rằng bà biết bà S (Hưởng) vì bà S có bỏ hàng tạp hóa cho cửa hàng của bà nhiều lần. Bà có mua bán làm ăn với bà S nhưng bà không vay tiền của bà S. Chữ viết trong giấy vay tiền ngày 17/9/2010 không phải chữ viết của bà vì bà không vay mượn tiền với bà S. Ngoài ra, bà S cho rằng bà có chót 400kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ là không đúng vì bà không chót cà phê và bà cũng không mang trả cà phê cho bà S. Đối với chữ viết trong giấy chót cà phê ngày 27/6/2011 không phải là chữ viết của bà.

[4] Xét thấy lời khai của bà H (Hằng) là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ: Lời khai của bà H (Hằng) có sự mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 16/12/2019 bà H cho rằng: *“Bà không biết bà S ở đâu và giữa bà với bà S không liên quan quen biết nhau”*. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 17/02/2020 bà S lại khai: *“Trước đây bà có mua bán làm ăn với bà S nhưng bà không vay tiền cũng như không chót cà phê với bà S đồng thời bà không thừa nhận chữ viết trong giấy vay tiền ngày 17/9/2010 và chữ viết trong giấy chót cà phê ngày 27/6/2011 là của bà viết ra”*. Sau khi bà H (Hằng) không thừa nhận chữ viết trong giấy vay tiền và chót cà phê thì bà S đã yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 17/9/2010 và chữ viết trong giấy chót cà phê ngày 27/6/2011 có phải do bà H (Hằng) viết ra hay không. Tại kết luận giám định số 552/GĐ – PC09 ngày 04/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng đã kết luận: Chữ viết trên tài liệu giám định A1 (Giấy vay tiền ngày 17/9/2010), A2 (Giấy chót cà phê ngày 27/6/2011) so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (Bản tự khai ngày 16/12/2019 của bà H) là do cùng một người viết ra, bà H viết ra. Sau khi có kết luận giám định Tòa án đã tiến hành công bố kết luận giám định cho nguyên đơn, bị đơn. Sau khi công bố thì các đương sự không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giám định lại. Bên cạnh đó tại phiên Tòa hôm nay bà H (Hằng) thừa nhận chữ viết trong giấy vay tiền ngày 17/9/2010 và chữ viết trong giấy chót cà phê ngày 27/6/2011 là chữ viết do bà H (Hằng) viết ra nhưng bà không nhớ bà viết vào thời điểm nào. Vì vậy cần buộc bà H (Hằng) phải trả lại cho bà S số tiền gốc là 20.000.000đ và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay bà S không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi suất. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 20.000.000đ và 200kg cà phê nhân khô loại Rôbusta đủ độ nhân với giá 32.600đ/kg thành tiền là 6.520.000đ. Tổng cộng bà H phải trả cho bà S số tiền là 26.520.000đ.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà H (Hằng) phải thanh toán lại cho bà S số tiền là 4.500.000đ (Tiền trưng cầu giám định bà S đã tạm nộp và đã được quyết toán xong).

[5] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền và số cà phê phải trả cho nguyên đơn.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S (Hưởng) về việc: “Kiện đòi lại tài sản” với bà Trần Thị Kim H (Hằng).

Buộc bà Trần Thị Kim H (Hằng) phải trả cho bà Nguyễn Thị S (Hưởng) số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và 200 kg cà phê nhân khô loại Rôbusta quy ra thành tiền là: $200\text{kg} \times 32.600\text{đ/kg} = 6.520.000\text{đ}$ (Sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Tổng cộng bà H (Hằng) phải trả cho bà S (Hưởng) số tiền là 26.520.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Giá cà phê tại thời điểm xét xử là 32.600đ/kg.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trần Thị Kim H (Hằng) phải trả cho bà Nguyễn Thị S (Hưởng) 4.500.000đ tiền giám định chữ ký.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Kim H (Hằng) phải chịu 1.326.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 663.000đ (Sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007090 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện L;
- THA dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hữu Dũng